

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HS-ST

Ngày: 21-3-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Công Minh.

Ông Huỳnh Văn Phó.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc T - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Văn T1 (T2), sinh năm 1978, tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: mua bán ve chai; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K, sinh năm 1948 (đã chết) và bà Lê Thị B, sinh năm 1950; bị cáo sống chung như vợ chồng với bị cáo Bùi Thị S, có 02 người con sinh năm 2005 và sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 05/11/2022, tạm giam ngày 11/11/2022, tại ngoại ngày 19/01/2023; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Bùi Thị S (Nguyễn Thị S1), sinh năm 1988, tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: không có; chỗ ở: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: mua bán ve chai; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn B1, sinh năm 1956 (đã chết) và bà Thái Thị N, sinh năm 1958; bị cáo sống chung

như vợ chồng với bị cáo Nguyễn Văn T1, có 05 người con lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: bị Công an xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang xử phạt 1.500.000đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11/QĐ-XPHC ngày 06/3/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Cái Bè tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự số 95/2014/HSST ngày 24/9/2014; bị tạm giữ ngày 05/11/2022, tạm giam ngày 11/11/2022; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T1: Ông Phạm Minh Đ – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T. (có mặt)

- *Bị hại*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn thực phẩm Vĩnh Kim

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 19/9/1983

Trú tại: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền: Tăng Thị Ngọc T3, sinh ngày 24/11/1982 (vắng mặt)

Trú tại: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 05/11/2022)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13giờ ngày 04/11/2022, bị cáo Nguyễn Văn T1 điều khiển vỏ lãi có gắn máy thủy chở vợ là bị cáo Bùi Thị S đi nhặt sắt vụn ở các xưởng đóng tàu dọc sông T. Đến khoảng 01 giờ ngày 05/11/2022, khi đi đến khu vực tiếp giáp mặt sông của Công ty trách nhiệm hữu hạn C (sau đây gọi tắt là Công ty) tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, các bị cáo nhìn thấy 01 tấm kim loại nên mò lấy đưa lên vỏ lãi. Sau đó, bị cáo S quan sát thấy phía sau của Công ty được rào bằng lưới B40, có khóa bằng ổ khóa và dây xích kim loại, bên trong có thùng nhựa và giấy phế liệu nên bị cáo S leo lên bờ, chen qua lưới B40 đi vào bên trong khuôn viên Công ty để lấy trộm. Do các thùng nhựa có kích thước lớn khó mang ra bên ngoài nên bị cáo S tiếp tục quan sát bên trong, lúc này, bị cáo S phát hiện tại khu vực lối đi giữa hai kho có để nhiều khay bằng kim loại nên bị cáo S không lấy các thùng và giấy phế liệu mà nảy sinh ý định lấy trộm các khay này. Bị cáo S chỉ cho bị cáo T1 nơi để các khay kim loại và bàn bạc lấy trộm các khay này bán lấy tiền thì bị cáo T1 đồng ý. Bị cáo S sử dụng kiếm cộng lực mang theo cắt lưới B40 mở rộng lối ra để dễ dàng di chuyển các tài sản ra ngoài.

Bị cáo S lần lượt lấy mỗi lần 3-4 cái khay kim loại mang ra cho bị cáo T1 để xuống vỏ lãi. Sau khi lấy hết các khay kim loại, bị cáo S nhìn xung quanh thấy có 02 ghế xếp để trong kho nên lấy trộm đưa bị cáo T1 chất xuống vỏ lãi. Sau khi lấy được tài sản, bị cáo T1 điều khiển vỏ lãi chở đến các điểm thu mua phế liệu thuộc địa bàn xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang để bán thì bị công an tuần tra phát hiện bắt giữ các bị cáo cùng vật chứng.

Theo Kết luận định giá tài sản số 221/KL-HĐĐG ngày 06/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện C, tỉnh Tiền Giang, tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị như sau: Khay bằng kim loại kích thước (55x28x04)cm, có giá trị là 50.000đồng/khay, 119 khay có giá trị là 5.950.000đồng; 02 ghế xếp dùng để nằm, có khung viền bằng kim loại, ở giữa viền có 01 tấm vải bố, kích thước (190x73x34)cm có giá trị là 100.000đồng/cái. Tổng giá trị tài sản là 6.150.000đồng.

Về vật chứng thu giữ gồm: 119 khay bằng kim loại, kích thước dài 55cm, ngang 28cm, cao 04cm; 02 ghế xếp có khung bằng kim loại, ở giữa có vải bố, kích thước 190x73x34cm; 01 chiếc vỏ lãi chất liệu composite màu xanh, trên mũi có ghi chữ “Phát Tài”, chiều dài 7,2m, rộng 1,1m, có gắn máy thủy; 01 tấm kim loại có kích thước (3.5x0.3)m, đã rỉ sét; 01 kiềm cộng lực bằng kim loại có chiều dài 62cm, trong đó có tay cầm bằng nhựa màu xanh dài 12cm, trên hai mũi kiềm có ghi số 600 và 24, hai mũi kiềm được gắn với nhau bằng 02 miếng kim loại có kích thước (7,5x3)cm; 01 sợi dây kim loại dạng khoen khóa, dài 0,95m; 01 sợi dây kim loại dạng khoen khóa, dài 01m; 01 ổ khóa bằng kim loại đã cũ, rỉ sét, đang trong tình trạng khóa, mặt ổ khóa có nhiều dòng chữ không rõ hình. Đối với 119 khay kim loại và 02 ghế xếp là tài sản của Công ty trách nhiệm hữu hạn C nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Tăng Thị Ngọc T3 là đại diện công ty nhận xong. Các vật chứng còn lại đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/02/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn C đã nhận lại 119 khay kim loại và 02 ghế xếp bị mất trộm, không yêu cầu gì khác.

Tại Bản cáo trạng số 22/CT-VKSCT ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T1 và Bùi Thị S về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 32, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tuyên bố bị cáo Bùi Thị S phạm tội “Trộm cắp tài sản” xử phạt bị cáo S từ 06 đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 32, Điều 38, Điều 50, các điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” xử phạt bị cáo T1 từ 04 đến 06 tháng tù.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị trả lại cho bị cáo T1 chiếc vỏ lãi và tịch thu tiêu hủy 01 kiếm cộng lực bằng kim loại, 02 sợi dây kim loại và 01 ổ khóa mà Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đang quản lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang đã truy tố đối với các bị cáo. Các bị cáo không tranh luận gì thêm với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo S nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo T1 nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hoàn cảnh bị cáo hiện rất khó khăn, bị cáo phải chăm sóc và nuôi dưỡng các con của bị cáo và con riêng của bị cáo S nên xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa của bị cáo T1, Trợ giúp viên pháp lý ông Phạm Minh Đ trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo T1 như sau: Thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo T1 nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T1 và hoàn cảnh của bị cáo T1 cho bị cáo T1 được hưởng án treo. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Bị cáo T1 không biết chữ nên trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đồng thời, trong vụ án này, bị cáo T1 chỉ có vai trò giúp sức. Bị cáo T1 hiện có nơi cư trú rõ ràng, hoàn cảnh bị cáo T1 rất khó khăn thuộc diện hộ cận nghèo, đông con, bản thân bị cáo T1 phải nuôi con còn nhỏ. Do đó, nếu áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo T1 ra khỏi xã hội sẽ gây khó khăn trong việc chăm sóc con của bị cáo T1.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 xem xét cho bị cáo T1 được hưởng án treo và miễn án phí cho bị cáo T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện các quy trình tố tụng đúng theo quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

[2.1] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Văn T1 và Bùi Thị S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Sự thừa nhận này còn phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 01 giờ ngày 05/11/2022, tại Công ty trách nhiệm hữu hạn C, tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, bị cáo S lần lượt lấy mỗi lần 3-4 cái khay kim loại (55x28x4)cm được để tại khu vực lối đi giữa hai kho của Công ty rồi chuyển ra khỏi hàng rào Công ty cho bị cáo T1 để xuống võ lãi. Sau khi lấy hết các khay kim loại, bị cáo S tiếp tục lấy 02 ghế xếp để trong kho đưa bị cáo T1 chất xuống võ lãi. Sau đó, bị cáo T1 điều khiển võ lãi chở bị cáo S đến các điểm thu mua phế liệu thuộc địa bàn xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang để bán thì bị công an tuần tra phát hiện bắt giữ các bị cáo cùng vật chứng. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị là 6.150.000đồng.

[2.2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi trên, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức rất rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam, xem thường pháp luật, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[2.3] Từ những phân tích trên, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo, xét thấy:

[3.1] Các bị cáo đã cùng nhau thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại Công ty trách nhiệm hữu hạn C mà không có sự câu kết chặt chẽ giữa các bị cáo nên đây là đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng là người thực hành. Trong đó, bị cáo S giữ vai trò chính, là người phát hiện tài sản, chủ động rủ rê bị cáo T1 và là người trực tiếp thực hiện phần lớn các hành vi chiếm đoạt tài sản, còn bị cáo T1 cùng bị cáo S vận chuyển tài sản ra khỏi khu vực quản lý tài sản và điều khiển phương tiện mang tài sản chiếm đoạt đi tiêu thụ.

[3.2] Giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt không lớn, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp gây thiệt hại không lớn, đồng thời trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm h và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3.3] Tuy bị cáo S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng trước đó bị cáo S đã 01 lần bị xử lý hình sự và 01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính cùng về hành vi Trộm cắp tài sản nên bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo T1 có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định. Lần phạm tội này của bị cáo T1 là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo T1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3.4] Trên đây là các tình tiết Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Về hình phạt:

[4.1] Đối với bị cáo S: Như những phân tích trên, với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc, áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo bị cáo và giáo dục phòng ngừa chung trong tình hình hiện nay.

[4.2] Đối với bị cáo T1: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi thực hiện tội phạm, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích nêu trên,

Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo T1. Tuy nhiên, bị cáo T1 có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã ăn năn, hối cải về hành vi của mình, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo T1 có nơi cư trú rõ ràng. Như nhận định trên, bị cáo S phải chấp hành hình phạt tù nên bị cáo T1 hiện phải chăm sóc và nuôi dưỡng con riêng của bị cáo, con chung của bị cáo với bị cáo S con nhỏ và các con riêng của bị cáo S. Xét thấy, bị cáo T1 có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên không cần phải bắt bị cáo T1 chấp hành hình phạt tù mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[5] Về vật chứng vụ án:

[5.1] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã xử lý vật chứng trao trả các vật chứng gồm 119 cái khay bằng kim loại màu trắng, kích thước dài 55cm, ngang 28 cm, cao 04cm; 02 ghế xếp có khung bằng kim loại, ở giữa có vải bố, kích thước 190x73x34 cm cho bị hại nhận lại xong. Xét thấy, đây là các tài sản thuộc quyền sở hữu của bị hại nên cơ quan điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5.2] Đối với vật chứng là 01 chiếc vỏ lãi chất liệu composite màu xanh, trên mũi có ghi chữ “Phát Tài”, chiều dài 7,2m, rộng 1,1m, có gắn máy thủy và 01 kiềng cộng lực bằng kim loại có chiều dài 62cm, trong đó có tay cầm bằng nhựa màu xanh dài 12cm, trên hai mũi kiềng có ghi số 600 và 24, hai mũi kiềng được gắn với nhau bằng 02 miếng kim loại có kích thước (7,5x3)cm bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5.3] Đối với các tài sản gồm 01 tấm kim loại có kích thước (3.5x0.3)m, đã rỉ sét; 01 sợi dây kim loại dạng khoen khóa, dài 0,95m; 01 sợi dây kim loại dạng khoen khóa, dài 01m; 01 ổ khóa bằng kim loại đã cũ, rỉ sét, đang trong tình trạng khóa, mặt ổ khóa có nhiều dòng chữ không rõ hình, xét thấy: Tấm kim loại là tài sản do các bị cáo nhặt được không có giá trị sử dụng, còn các tài sản khác là của Công ty trách nhiệm hữu hạn C không có giá trị sử dụng, bị hại không yêu cầu nhận lại, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và

Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, các vật chứng này không có giá trị sử dụng nên bị tịch thu và tiêu hủy.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí:

[7.1] Bị cáo S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7.2] Bị cáo T1 thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Xét thấy: đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa của bị cáo T1 nêu trên cho các bị cáo là có phần phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận phần đề nghị phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T1 và Bùi Thị S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1/ Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm h, i và s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.2/ Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm h, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị S 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 05/11/2022.

2/ Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- 1/ 01 (một) tấm kim loại có kích thước (3.5x0.3)m, đã rỉ sét.
- 2/ 01 (một) sợi dây kim loại dạng khoen khóa, dài 0.95m.
- 3/ 01 (một) sợi dây kim loại dạng khoen khóa, dài 01m.
- 4/ 01 (một) ổ khóa bằng kim loại đã cũ, rỉ sét, ổ khóa này đang trong tình trạng khóa, một mặt ổ khóa có nhiều dòng chữ không rõ hình.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước các vật chứng sau:

- 1/ 01 (một) chiếc vỏ lãi chất liệu composite màu xanh, trên mũi vỏ lãi có ghi chữ “Phát Tài”, chiều dài 7.2m, rộng 1.1m, có gắn máy thủy.

- 2/ 01 (một) cây kiềm cộng lực bằng kim loại có chiều dài 62cm, trong đó có tay cầm bằng nhựa màu xanh dài 12cm. Trên mũi kiềm có ghi số 600 và 24, 02 mũi kiềm được gắn với nhau bằng 02 miếng kim loại có kích thước (7,5x3)m.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/02/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.)

3/ Về án phí:

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Bùi Thị S phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí cho bị cáo Nguyễn Văn T1.

4/ Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Văn T1 và Bùi Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại Công ty Trách nhiệm hữu hạn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA DS huyện Châu Thành;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Huỳnh Trúc